

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC
BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số *139*/CV-BPW
Về việc công bố thông tin định
kỳ Báo cáo thường niên năm
2017.

Bình Phước, ngày 19 tháng 4 năm 2018

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước
2. Mã chứng khoán: BPW
3. Trụ sở chính: Số 216 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
4. Điện thoại: 0271 3883 595 Fax: 0271 3887 548
5. Người thực hiện công bố thông tin:
Ông Nguyễn Minh Bình Chủ tịch HĐQT – Người đại diện
theo pháp luật Công ty
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2017.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ nội dung: bpwaco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Minh Bình

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC
Năm 2017

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

a) Thông tin khái quát về công ty

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC (BPWACO)

- Tên giao dịch quốc tế : BINH PHUOC WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800228182 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30/12/2008, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/04/2017

- Vốn điều lệ đăng ký : 107.720.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy tỷ, bảy trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 107.720.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy tỷ, bảy trăm hai mươi triệu đồng chẵn)

- Địa chỉ : Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Điện thoại : (0271) 388 7548; Fax: 0271 388 7548

- Website : www.bpwaco.com.vn

- Mã cổ phiếu: BPW

- Người đại diện theo pháp luật của công ty : Ông Nguyễn Minh Bình - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

b) Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tiền thân là Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước, được thành lập theo Quyết định số 18/2001/QĐ-UBND ngày 16/3/2001 của UBND tỉnh Bình Phước và chính thức đi vào hoạt động tháng 06/2001. Công ty đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01/01/2009 theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 24/12/2008 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Ngày 23/04/2012, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 774/QĐ-UBNDT về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 28/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 2967/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Ngày 03/02/2016, Công ty tổ chức đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đấu giá như sau:

- + Tổng số lượng cổ phần bán được: 33.100 cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần. Ngày 01/04/2017, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước đã chuyển thành Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 01/04/2017, với số vốn điều lệ là 107.720.000.000 đồng. Qua nhiều năm hoạt động, Công ty đã từng bước xây dựng nền móng, trưởng thành và phát triển.

Trong các năm qua, Công ty đã liên tục nhận được nhiều thành tích thi đua khen thưởng từ Nhà nước, Chính Phủ nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam, các Bộ ngành và UBND tỉnh Bình Phước tặng thưởng:

Năm 2005: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2006); Bằng khen của Tỉnh ủy (Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 30/05/2006); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 26/01/2006).

Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 11/09/2007); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 14/03/2007).

Năm 2007: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 558/QĐ-UBND ngày 21/03/2008).

Năm 2008: Bằng khen của UBND tỉnh (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009).

Năm 2009: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2010).

Năm 2010: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày

22/03/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

Năm 2011: Huân chương Lao động hạng Ba (Quyết định số 251/QĐ-CTN ngày 28/02/2011 của Chủ tịch nước; Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước.

Năm 2012: Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của UBND tỉnh Bình Phước.

Năm 2013: Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 27/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bình Phước.

Năm 2014: Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy khen của Tổng cục trưởng (Quyết định số 418/QĐ-TCLN-VP ngày 16/9/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp).

Năm 2015: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Bình Phước

Năm 2016: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Bình Phước

c) Quá trình tăng vốn kể từ khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần cho đến nay, Công ty chưa tăng vốn.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động cấp nước:

Sản lượng nước sản xuất và nước tiêu thụ trong hai năm gần nhất:

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Sản lượng nước sản xuất	M ³	6.347.100	6.995.648
2	Sản lượng nước tiêu thụ	M ³	4.760.325	5.342.334
3	Tỷ lệ hao hụt	%	25	24
4	Giá bán nước sạch b/q	Đồng/m ³	8.478	8.776

- Hoạt động lắp đặt đường ống nước và đồng hồ nước:

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
1	Số lượng đồng hồ nước lắp đặt (*)	Chiếc	1.646	2.346
2	Số hộ dân lắp đặt đồng hồ nước	Hộ dân	996	2.007
3	Số lượng đường ống lắp đặt	m	12.396,32	12.346,74
4	Số lượng đồng hồ nước bán lẻ	Chiếc	9	1

(*) Công ty bán đồng hồ nước có bảo hành một năm và kiểm định (05) năm một lần. Việc kiểm tra đồng hồ nước được kiểm tra kết hợp với việc đi ghi chỉ số hàng tháng và theo phản hồi của khách hàng sử dụng nước.

Tất cả đường ống và đồng hồ nước Công ty mua đều đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Cụ thể:

- Công ty cổ phần HAWACO miền Nam (đồng hồ nước): Tiêu chuẩn EEC, ISO 4064.

- Công ty TNHH Hóa nhựa Đệ Nhất (đường ống): Tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007-Plastics piping Systems - Polyethylens (PE) pipes and fittings for water supply.

- Công ty cổ phần Nhựa Bình Minh (đường ống): Tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008)

b) Địa bàn kinh doanh:

- Trong năm 2015, 2016 Công ty là đơn vị cung cấp nước sạch cho địa bàn Thị Xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, Bình Long, Phước Long và Huyện Chơn Thành của Tỉnh Bình Phước với tổng sản lượng cung cấp hàng năm bình quân là 5 triệu m³. Đây đồng thời cũng là hoạt động chính mang lại 87,88% doanh thu cho Công ty trong năm 2016.

- Công ty thực hiện thi công hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn Thị xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, Thị xã Bình Long; Phước Long và Huyện Chơn Thành.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc Công ty, các phòng ban

chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ bỏ phiếu bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của công ty. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu có cơ sở để Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có).

Ban kiểm soát là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám Đốc gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được Tổng Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Các phòng ban liên quan.

a) Phòng Hành chính tổ chức

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc công tác tổ chức, cán bộ, nguồn lực, đào tạo, bảo hộ lao động, bảo vệ nội bộ, công tác hành chính quản trị và công tác tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt cán bộ công ty.

- Quản lý lao động, tiền lương cán bộ-công nhân viên.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cho cán bộ, nhân viên và thi tay nghề công nhân toàn công ty.
- Phối hợp với các đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn, sự cố trong sản xuất phù hợp đặc điểm của Công ty, đơn vị.
- Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ theo quy định của pháp luật và Ban Tổng Giám đốc Công ty giao.

- Quản lý các công tác quản trị khác.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu cho Giám đốc điều hành trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối được nguồn thu chi trong toàn bộ Công ty.

- Phân tích kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn vốn của công ty.

- Đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng nguồn vốn, các biện pháp quản lý có hiệu quả nhất.

- Thực hành, quản lý các hoạt động tài chính kế toán khác kịp thời, chính xác và hiệu quả nhất.

- Nghiên cứu, phân tích thị trường hoạt động của Công ty để đưa ra các chiến lược tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc đồng thời lên kế hoạch chi tiết để hiện thực hóa các kế hoạch đã được phê duyệt.

c) Phòng Kế toán

- Thực hiện các nhiệm vụ tài chính, kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, tổng hợp báo cáo định kỳ với các cơ quan chức năng.

- Lập kế hoạch thanh toán các hợp đồng, các khoản thu chi hàng tháng kịp thời, thực hiện đúng các chế độ thanh toán tiền lương, phụ cấp. Chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính trình Ban Tổng Giám đốc kịp thời, đúng quy định.

- Có trách nhiệm theo dõi, đối chiếu kịp thời công nợ, tích cực đôn đốc, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ. Tham mưu, đề xuất Ban Giám đốc có biện pháp xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, thu hồi công nợ.

- Tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành Quy chế quản lý nợ tại Công ty; Quyết định mức trích lập dự phòng hoặc xóa nợ theo quy định, tránh để phát

sinh nợ xấu, nợ dây dưa kéo dài.

d) Phòng Kỹ thuật đầu tư

- Xây dựng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn về khai thác, sản xuất, kinh doanh của Công ty dựa trên các căn cứ pháp lý hiện hành có liên quan;
- Lập và thực hiện công tác vận hành mạng lưới theo quy định phù hợp với khả năng sản xuất, mua nước của Công ty;
- Xây dựng và đề xuất áp dụng các quy định về tiêu chuẩn vật tư, trang thiết bị chuyên ngành cấp nước;
- Xây dựng các quy định kỹ thuật về quản lý, sử dụng, vận hành các loại máy móc, trang thiết bị, phương tiện cơ giới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Quản lý kỹ thuật các đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ tổng tách mạng;
- Nghiên cứu xây dựng và đề xuất việc thực hiện các chương trình, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn lao động
- Vệ sinh lao động đối với người và máy móc thiết bị trong sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Cập nhật, lưu trữ hồ sơ, sơ đồ hệ thống cấp nước. Hoàn chỉnh sơ đồ cấp nước tổng thể, từ ống phân phối trở lên. Hoàn chỉnh sơ đồ giếng và bãi giếng.

e) Phòng Quản lý chất lượng nước

- Theo dõi, kiểm tra, lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thô, nước đã qua xử lý, nước của từng công đoạn dây chuyền công nghệ trong nhà máy, xí nghiệp, tại trạm bơm tiếp áp, tại mạng truyền dẫn, mạng phân phối, tại các hộ tiêu dùng, vòi nước bể chứa công cộng;
- Tổ chức kiểm tra đôn đốc các nhà máy, trạm sản xuất nhỏ, trạm bơm tăng áp đảm bảo tốt vệ sinh nguồn nước, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh công nghệ xử lý nước;
- Kiểm tra giám sát các đơn vị thực hiện các quy trình công nghệ để đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn hóa lý, vi sinh;
- Luôn nắm bắt kịp thời chất lượng nước và có các biện pháp tức thời khi phát hiện chất lượng nước không đảm bảo tiêu chuẩn cho phép, nhất là trong những mùa có dịch bệnh;
- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn về chỉ tiêu chất lượng nước, chỉ tiêu vệ sinh môi trường cho từng nhà máy, xí nghiệp, trạm sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn nhà nước, với đặc thù của từng đơn vị trong toàn Công ty.

g) Ban Quản lý dự án

- Ban quản lý dự án giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình về lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải;

- Tổ chức thực hiện toàn bộ quá trình thực hiện đầu tư các dự án, hạng mục công trình thuộc kế hoạch đầu tư phát triển, cải tạo... hệ thống cấp nước và các dự án khác do Công ty là chủ đầu tư.

h) Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

i) Xí nghiệp cấp nước Phước Long

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Phước Long và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

k) Xí nghiệp cấp nước Minh Hưng III

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch cho các Khu Công Nghiệp

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

l) Xí nghiệp xây lắp:

- Thi công xây lắp, thay thế, sửa chữa, bảo trì các công trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và công trình dân dụng;

- Thi công, thay thế, bảo trì hệ thống kênh, suối, mương, cống, hồ ga thoát nước mưa, nước thải;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

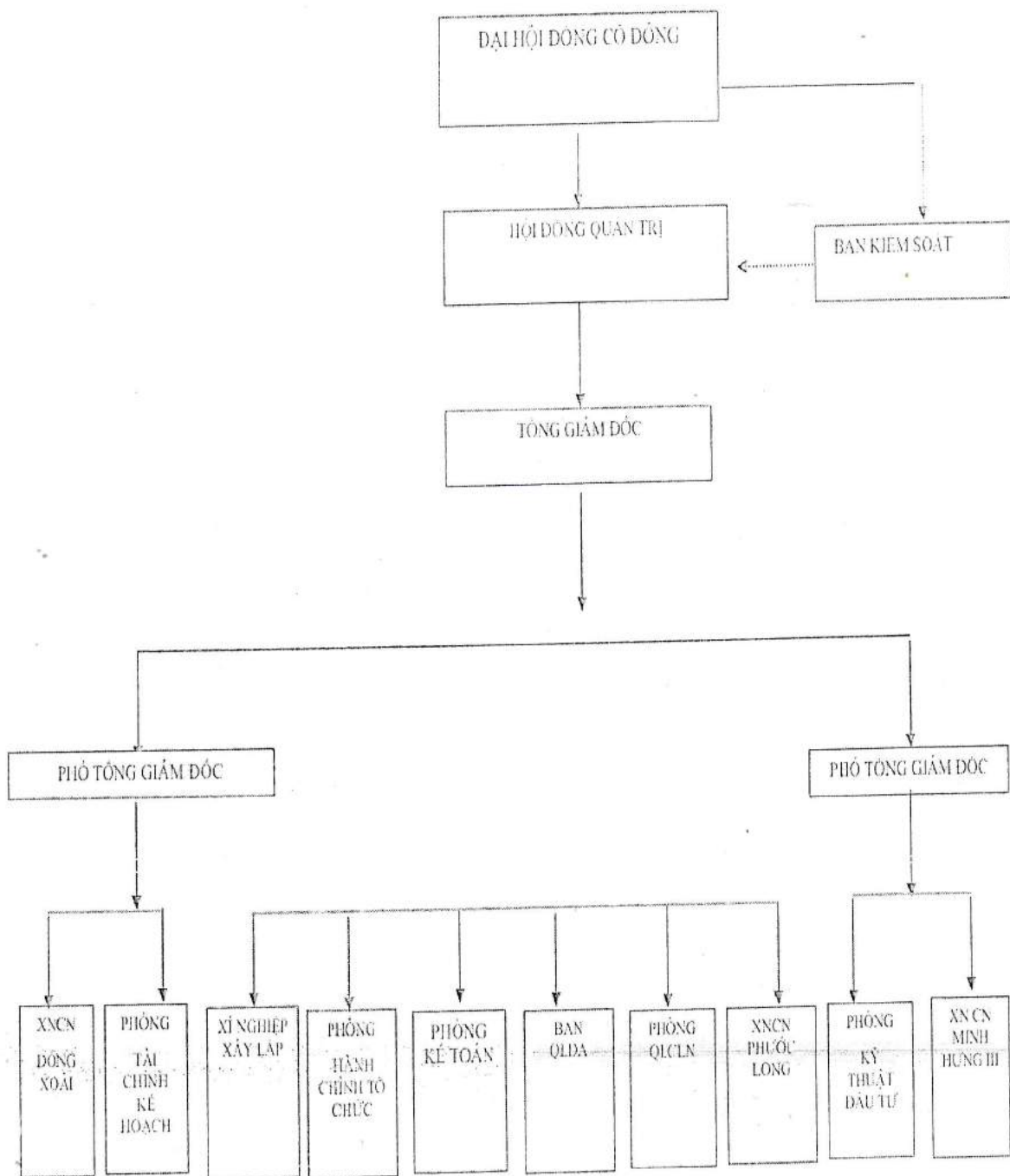
n) Xí nghiệp thoát nước và xử lý nước thải

- Thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải;

- Hoạt động một số công việc khác theo chức năng của Xí nghiệp.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC



3.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- BPWater luôn coi con người là giá trị cốt lõi quan trọng nhất. Chúng tôi không ngừng tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cộng sự luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng, được hỗ trợ bởi quy trình liên tục cải tiến, được thúc đẩy bởi công nghệ đột phá và luôn phản ứng nhanh với mọi thay đổi, phát triển toàn cầu.

- Đem đến sản phẩm nước sạch cho cuộc sống trên quê hương Bình Phước.

- Nhà cung cấp số một các sản phẩm về nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đạt doanh thu 85 tỷ đồng trước năm 2020, dịch vụ uy tín, chuyên nghiệp

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch		
				Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
I	Các chỉ tiêu sản xuất					
1	Nước máy sản xuất	m ³	7.650.783	8.474.000	9.030.100	9.645.600
2	Nước máy thương phẩm	m ³	5.907.935	6.800.000	7.343.500	7.882.000
	<i>Tốc độ tăng sản lượng nước thương phẩm</i>	%		15%	7,99%	7,33%
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	23%	20%	19%	18%
4	Lắp đặt đồng hồ mới	Đồng hồ	1.763	5.000	2.000	2.000
5	Phát triển mạng lưới	m		25.500		
II	Các chỉ tiêu tài chính					
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	64.411	74.900	79.200	85.400
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	67.232	79.000	77.400	77.800

3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(2.823)	(4.100)	1.800	7.600
4	Nộp NSNN	Tr.đồng	4.709	5.300	6.500	7.100

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Chương trình “Lãnh đạo tiên phong, trên dưới đồng lòng thực hiện thành công các mục tiêu năm 2018”.

- Chương trình Lao động giỏi.
- Chương trình sáng kiến phát triển Công ty.
- Chương trình 5.000 đồng hồ.
- Chương trình giảm thất thoát nước xuống còn 20%.
- Chương trình BPWater “nhanh”.
- Chương trình BPWater “săn lời khen”.
- Chương trình BPWater “Trụ sở là nhà, nhà máy là công viên”.
- Chương trình Uống nước nhớ nguồn, Đền ơn đáp nghĩa.
- Chương trình Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Chương trình Chiều thứ 7 tình nguyện.
- Chương trình đấu tranh, phản bác thông tin xấu, độc trên mạng xã hội.
- Chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí.
- Tiếp tục đồng hành cùng Chương trình chấp cánh ước mơ.
- Chương trình mỗi lao động của BPWater là một tuyên truyền viên.
- Chương trình thi viết về BPWater và ngành nước.
- Chương trình mỗi đơn vị BPWater có 1 tiết mục văn nghệ.
- Chương trình thi tay nghề giỏi.
- Chương trình Huấn luyện nhân sự (nội bộ)
- Chương trình Đào tạo nhân sự kế cận.
- Chương trình xếp hạng nhà thầu.
- Chương trình lấy phiếu tín nhiệm nhân sự cấp trung

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất



kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)

- Tổ chức bộ máy chưa phù hợp, đã sắp xếp lại tuy nhiên lao động chuyên môn (quản lý) và công nhân kỹ thuật lãnh nghề còn thiếu, yếu, còn nặng tư duy bao cấp.

- Bình Phước là tỉnh nằm trong khu vực có 6 tháng nắng, 6 tháng mưa, tuy nhiên những năm gần đây mùa mưa đến sớm và kéo dài làm giảm doanh thu của Công ty.

- Bình Phước có đại hình chủ yếu là đồi núi, mật độ dân cư thưa thớt dẫn đến việc Công ty đầu tư lớn nhưng khả năng thù hồi vốn chậm.

- Hiện tượng biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nước đầu vào, làm tăng chi phí nguyên vật liệu như vôi, phèn, Clo

- Trình độ dân trí còn thấp vì vậy ý thức về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp thoát nước và sử dụng nước sạch còn thấp.

- Hiện nay hiện tượng sử dụng nước giếng khoan ở trong dân cư, ở các khu công nghiệp còn nhiều làm ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm.

- Bình Phước còn là tỉnh nghèo, tốc độ phát triển đô thị hóa còn chậm dẫn đến việc sử dụng nước máy trong dân là còn chủ yếu tự nguyện chứ chưa có chế tài quy định cụ thể ...

- Chưa đầu tư và có chiến lược đầu tư cho công tác chăm sóc khách hàng, chưa đánh giá đúng về tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch trong sinh hoạt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng cuối năm 2017

a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng cuối năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Từ 01/4/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/4/2016 đến 31/12/2016	Tăng (giảm)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.464.669.668	41.465.821.836	+3.998.847.832
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	22.078.977	6.429.138	+15.649.839

3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.442.590.691	41.459.392.698	+3.983.197.993
4	Giá vốn hàng bán	29.944.379.679	25.122.438.169	+4.821.941.510
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.498.211.012	16.336.954.529	-838.743.517
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.219.823.954	2.000.093.385	+219.730.569
7	Chi phí tài chính	11.442.068.245	9.393.987.385	+2.048.080.860
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>11.442.068.245</i>	<i>8.721.859.135</i>	<i>+2.720.209.110</i>
8	Chi phí bán hàng	2.131.503.630	1.676.139.548	+455.364.082
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.249.236.982	6.874.195.429	+375.041.553
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.104.773.891)	392.725.552	-3.497.499.443
11	Thu nhập khác	301.718.883	767.874.295	-466.155.412
12	Chi phí khác	284.586.942	4.861.578	+279.725.364
13	Lợi nhuận khác	17.131.941	763.012.717	-745.880.776
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.087.641.950)	1.155.738.269	-4.243.380.219
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	512.079.710	-512.079.710
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.087.641.950)	643.658.559	-3.731.300.509
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(287)	-	

Từ kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2017 cho thấy, mặc dù tổng



doanh thu năm 9 tháng 2017 là 47.964 triệu đồng tăng 8,4% so với tổng doanh thu 9 tháng 2016 là 44.227 triệu đồng, trong khi đó tổng chi phí 9 tháng năm 2017 lại tăng cao hơn so với 9 tháng 2016 là 18,5%, tốc độ tăng trưởng doanh thu tăng thấp hơn tốc độ tăng chi phí so với cùng kỳ dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2017 lỗ, giảm so với 9 tháng năm 2016. Nguyên nhân do chi phí giá vốn tăng 19%, đây là phần chi phí khấu hao tăng do Công ty phải gánh khoản chi phí khấu hao tài sản cố định tăng cao (phần giá trị tài sản định giá lại tăng cao khi thực hiện cổ phần hóa được tính khấu hao khi chuyển sang công ty cổ phần và do đưa dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài đi vào hoạt động, tài sản tăng, chi phí khấu hao tăng), chi phí lãi vay của dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài khá cao, chiếm 22,5% tổng chi phí dẫn đến lỗ.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	4.213.835	4.376.193	104
2	Tỷ lệ thất thoát nước	%	24%	23%	
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	44.905	47.964	107
	Trong đó: Doanh thu hoạt động sản xuất nước	Tr.đồng	41.053	41.888	102
4	Tổng chi phí	Tr.đồng	55.720	51.052	92
5	Lợi nhuận	Tr.đồng	(10.815)	(3.088)	171
6	Nộp NSNN	Tr.đồng	3.578	3.518	98

Hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện vượt mức so với kế hoạch 9 tháng năm 2017. Riêng chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017 thực hiện đạt 98% so với kế hoạch UBND tỉnh giao. Nguyên nhân: Do trong 9 tháng cuối năm 2017 Công ty có đầu tư xây dựng Công trình: Di dời, xây dựng trạm bơm cấp 1, tuyến ống chuyển tải nước thô Nhà máy nước Phước Long; Công trình cải tạo, nâng cấp cụm xử lý nước Nhà máy nước Phước Long; Công trình đường dây điện 22KV&TBAlII-160KVA Nhà máy nước Phước Long; Công trình mạng ống cấp nước khu 6,7,8,9 phường

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Long Phước, thị xã Phước Long có số thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra nên giảm số tiền thuế GTGT thực nộp vào NSNN.

c) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh so với năm liền kề

(ĐVT: Đồng)

Chỉ tiêu	9 tháng cuối năm 2016	9 tháng cuối năm 2017	Tăng (giảm)
Tổng giá trị tài sản	613.085.752.924	690.638.687.298	+77.552.934.374
Doanh thu thuần	41.459.392.698	45.442.590.691	+3.983.197.993
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	392.725.552	(3.104.773.891)	-3.497.499.443
Lợi nhuận khác	763.012.717	17.131.941	-745.880.776
Lợi nhuận trước thuế	1.155.738.269	(3.087.641.950)	-4.243.380.219
Lợi nhuận sau thuế	643.658.559	(3.087.641.950)	-3.731.300.509
Quỹ lương VCQL	819.000.000	890.220.000	+71.220.000

(Ghi chú: Quỹ lương VCQL 9 tháng cuối năm 2016 bao gồm 04 người (Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, phó Giám đốc, kế toán trưởng, Kiểm soát viên); Quỹ lương người quản lý 9 tháng cuối năm 2017 gồm 6 người (Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng))

Từ khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước gặp nhiều khó khăn do:

- Chi phí khấu hao tài sản cố định tăng cao (do giá trị tài sản định giá lại tăng cao và do đưa dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài đi vào hoạt động, tài sản tăng, chi phí khấu hao tăng);

- Chi phí lãi vay của dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài khá cao, chiếm 22,5% tổng chi phí.

Vì vậy, lợi nhuận 9 tháng cuối năm 2017 giảm so với 9 tháng cuối năm 2016.

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu

cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

2.1.1. Hội đồng quản trị

ST T	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Bình	Chủ tịch	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Đỗ Văn Phong	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
3	Huỳnh Văn Lâm	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
4	Trần Ngọc Nguyên	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành
5	Phan Huỳnh Tấn Hoàng	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành

a) Ông Nguyễn Minh Bình: Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Minh Bình			
Gới tính	Nam	Quê quán	Bình Phước
Ngày/tháng/năm sinh	28/08/1974	Địa chỉ thường trú	Số nhà 145 - Đường Trần Hưng Đạo - Tổ 2 - KP Phú Cường - Phường Tân Phú - Thị xã Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285011220	Cấp ngày 22/12/2006 tại CA. tỉnh Bình Phước
Trình độ học vấn	Kiến trúc sư (Trường Đại học Kiến trúc TP.HCM); Thạc sĩ khoa học quản lý dự án xây dựng (The University of Green Wich Vương Quốc Anh)		

Quá trình công tác:

- Từ 03/2000 -03/2004: Chuyên viên Ban quản lý dự án ngành xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 03/2004 - 12/2005: Chuyên viên Phòng Kinh tế - Kỹ thuật Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 12/2005 - 09/2006: Phó Phòng Quản lý quy hoạch và Nhà đất Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 09/2006 - 09/2010: Phó Giám đốc Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 09/2010 - 01/2013: Phó trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 01/2013 - 10/2015: Trưởng phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 10/2015 – 23/11/2017: Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước.
- Từ 23/11/2017- 01/4/2017: Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bình Phước.
- Từ 01/4/2017 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Số cổ phần đại diện vốn góp của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước	8.684.140 cổ phần (chiếm 80,62%)
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2017	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2017	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước. Số cổ phần sở hữu: 8.684.140 cổ phần (chiếm 80,62%)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty

Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Đỗ Văn Phong : Thành viên HĐQT

Ông Đỗ Văn Phong			
Giới tính	Nam	Quê quán	Hải Phòng
Ngày/tháng/năm sinh	24/12/1966	Địa chỉ thường trú	Tổ 3 - KP Suối Đá - Phường Tân Xuân - Thị xã Đông Xoài - Tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285039454	Cấp ngày 10/5/2010 tại Bình Phước
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế		

Quá trình công tác:

- Từ 01/1989 - 06/1997: Nhân viên Phòng Kế hoạch Lâm trường Đông Xoài.

- Từ 07/1997 - 06/2001: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng tổ chức Ban Quản lý rừng Kinh tế Tân Lập.

- Từ 07/2001 - 12/2007: Kế toán trưởng Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Phước.

- Từ 01/2008 đến 04/2017: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ tháng 04/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 11/09/2017	10.000 cổ phần (chiếm 0.09% VDL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2017	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

c) Ông Huỳnh Văn Lâm : Thành viên HĐQT

Ông Huỳnh Văn Lâm			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày/tháng/năm sinh	30/03/1983	Địa chỉ thường trú	Tổ 5 - Khu phố Phú Mỹ - Phường Tân Phú - thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285049929	Cấp ngày 4/04/2014 tại Bình Phước
Trình độ học vấn	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		

Quá trình công tác:

- Từ 01/2007 - 04/2013: Cán bộ Kỹ thuật Phòng Kỹ thuật - Vật tư Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 05/2013 - 08/2014: Phó Đội trưởng Đội Xây Lắp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 09/2014 - 04/2017: Phó Đội trưởng Đội cấp nước Minh Hưng III Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 11/09/2017	5.800 cổ phần (Chiếm 0.05% VDL)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thủ lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

d) Ông Trần Ngọc Nguyên: Thành viên HĐQT

Ông Trần Ngọc Nguyên			
Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày/tháng/năm sinh	21/12/1989	Địa chỉ thường trú	Số 09, đường Bà Triệu, tổ 3, kp. Phước Thọ, phường Tân Thiện, thị xã Đồng

			Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285191971	Cấp ngày: 24/06/2004
Trình độ học vấn	Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Cử nhân Doanh nghiệp và đổi mới (Entrepreneurship and Innovation)		

Quá trình công tác:

- Năm 2012 đến 2013: Trợ lý giám đốc Công ty TNHH Cầu Đường Đồng Phú.

- Năm 2013 đến 2015: Trợ lý giám đốc - Phát triển kinh doanh Công ty Cổ Phần Kinh doanh BOT 741.

- Năm 2015 đến tháng 3/2017: Nhân viên phòng Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật Sở xây dựng tỉnh Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

e) Ông Phan Huỳnh Tấn Hoàng – Thành viên HĐQT

Ông Phan Huỳnh Tấn Hoàng			
Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Định
Ngày/tháng/năm sinh	21/02/1981	Địa chỉ thường trú	355 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 023595491	Cấp ngày 06/02/2009
Trình độ học vấn Kỹ sư quản trị công nghệ thông tin			

Quá trình công tác:

- Từ năm 2008-2014: Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Hoàn Cầu.
- Từ 2014-2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần IBS.
- Từ năm 2016 – 01/4/2017: Giám đốc Khối xây dựng Công ty cổ phần SX-XD-TM và Nông Nghiệp Hải Vương.
- Từ 4/2017 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Khối Xây dựng Công ty CP SX- XD – TM và NN Hải Vương
Số cổ phần đại diện vốn góp của Công ty cổ phần SX – XD – TM và NN Hải Vương	1.818.160 cổ phần (chiếm 16,88% VDL)
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời	Không

điểm 11/09/2017	
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Công ty cổ phần SX – XD – TM và NN Hải Vương. Số ĐKSH: 3800101115. Số CPH: 1.818.160 cổ phần (chiếm 16,88% VDL)
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2. Ban Kiểm soát.

Số TT	Họ và tên	Chức danh
1	Đỗ Tiến Thành	Trưởng ban
2	Võ Tuấn Kiệt	Thành viên
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên

a) Ông Đỗ Tiến Thành – Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính	Nam	Quê quán	Hòa Bình
Ngày/tháng/năm sinh	15/09/1982	Địa chỉ thường trú	KP. Phú Xuân, phường Tân Phú, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số	Cấp ngày 12/6/2003
Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ kinh tế			

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Quá trình công tác:

- Từ 02/2006 - 06/2006: Chuyên viên kế toán Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bình Phước.

- Từ 07/2006 - 04/2015: Chuyên viên kế toán; tín dụng; tổ chức cán bộ Chi nhánh Ngân hàng phát triển Bình Phước.

- Từ 04/2015 - tháng 3/2017: Chuyên viên tín dụng Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bình Dương - Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 11/09/2017	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Võ Tuấn Kiệt: Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Võ Tuấn Kiệt

Gới tính	Nam	Quê quán	Thành phố HCM
Ngày/tháng/năm sinh	21/06/1980	Địa chỉ thường trú	51/14 Phan Văn Hân, phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 023207837	Cấp ngày: 03/3/2012
Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế			

Quá trình công tác:

- Từ năm 2002 – 2004: Trợ lý Kế toán trưởng - Nhân viên triển khai ERP Công ty Cổ phần Kinh Đô.
- Từ 2004 đến 2008: Kế toán trưởng Công ty TNHH DAFI Furniture Tropicdane Niemi Louis Dreyfus Commodities VN.
- Từ 2009 đến 2015: Kế toán trưởng - Chuyên viên phân tích kinh doanh Công ty.
- Từ 2016 đến nay: Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Nguyên Vũ.
- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Nguyên Vũ
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 11/09/2017	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Không
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng ban kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Nguyên Vũ
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không

c) Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh			
Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Bình
Ngày/tháng/năm sinh	20/07/1982	Địa chỉ thường trú	KP Tân Trà 2 - Phường Tân Bình - TX Đồng Xoài - Tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285779220	Cấp ngày 01/12/2017 tại Bình Phước
Trình độ học vấn Cử nhân Kinh tế			

Quá trình công tác:

- Từ 01/2007 – 12/2008: Nhân viên Kế toán Công ty cấp thoát nước tỉnh Bình Phước.

- Từ 01/2009 – 12/2013: Kiểm soát viên kiêm Kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

- Từ 01/2014 đến 03/2017: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

- Từ 04/2017 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Hành chính Tổ chức Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng Hành chính Tổ chức
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	5.800 cổ phần (Chiếm 0.05% VDL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.3 Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc

Số TT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Đỗ Văn Phong	Tổng Giám đốc
2	Huỳnh Văn Lâm	Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Ngọc Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm	10.000 cổ phần (chiếm 0,09%VĐL)
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 11/09/2017	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

Trong năm qua không có sự thay đổi trong ban điều hành.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ, nhân viên toàn Công ty đến hết 31/12/2017 là 105 người, trong đó:

- Cơ cấu lao động chia theo bộ phận, đơn vị trực thuộc:

STT	Bộ phận	Số người
1	Người quản lý	6
2	Phòng HC - TC	5
3	Phòng KT - ĐT	6
4	Phòng Kế toán	5
5	Phòng TC - KH	2
6	Phòng QLCN nước	2
7	Trung tâm kinh doanh	7
8	Xí nghiệp CN ĐX	9
9	Vận hành XNCNĐX	8

10	Lắp đặt đồng hồ ĐX	12
11	Xí nghiệp Xây lắp	6
12	VP MH	1
13	Vận hành MH	6
14	VP PL	9
15	Lắp đặt PL	2
16	Vận hành PL	10
17	Ban quản lý dự án	7
18	Bảo vệ	2
Tổng số lao động đến 31/12/2017		105

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

- Cơ cấu lao động theo các tiêu chí khác:

Cơ cấu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
1. Theo trình độ	105	100
- Trình độ đại học và trên đại học	35	33
- Trình độ cao đẳng, trung cấp	34	32
- Trình độ khác	36	35
2. Theo Hợp đồng lao động	105	100
- Thuộc đối tượng không ký HĐLĐ (HĐQT, BKS)	5	4,7
- HĐLĐ không thời hạn	74	70,6
- HĐLĐ có thời hạn (1-3 năm)	26	24,7

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

b) Các chính sách đối với người lao động

- Chính sách đào tạo:

+ Công ty rất chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng chuyên môn nâng cao trình độ của người lao động.

+ Để đáp ứng được nhu cầu nhân lực, công ty đã ban hành quy trình tuyển dụng công khai, công bằng. Việc tuyển dụng lao động mới được xuất phát từ nhu cầu, kế hoạch sử dụng lao động, cụ thể: Sau khi kiểm tra hồ sơ lý lịch, trình độ chuyên môn, nghề nghiệp được đào tạo, người lao động được tuyển dụng vào làm thử việc và kết quả được đánh giá khách quan bởi bộ phận tuyển dụng và cấp quản lý trực tiếp. Căn cứ vào kết quả nhận xét của bộ phận tuyển dụng và cấp quản lý trực tiếp, nếu đạt chuẩn thì người lao động được ký hợp đồng lao động chính thức vào làm việc tại Công ty.

- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:

+ Trong các năm qua, Công ty luôn tạo điều kiện duy trì ổn định việc làm cho người lao động trong công ty. Mức lương bình quân của người lao động năm 2016 là 7.707.000 đồng/người/tháng.

+ Tổng số lao động sử dụng đến thời điểm 31/12/2017 là 105 người, chủ yếu là người lao động gắn bó lâu năm trong công ty. Mặc dù tình hình khó khăn nhưng đơn vị đã có nhiều cố gắng tạo việc làm ổn định và thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, chế độ BHXH, công tác BHLĐ, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức huấn luyện ATLĐ... cho người lao động theo đúng pháp luật lao động. Các công tác tuyển dụng, chấm dứt HĐLĐ, nghỉ phép, tăng ca... thực hiện đúng quy định pháp luật và quy chế Công ty.

Trong năm Công ty đã xây dựng và ban hành thang bảng lương mới áp dụng từ ngày 01/04/2017 phù hợp với mô hình hoạt động công ty cổ phần được UBND tỉnh chấp thuận theo công văn số 1889/UBND-KGVX ngày 09 tháng 6 năm 2017 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước)

Xây dựng đơn giá tiền lương chi trả cho người lao động Công ty trong 9 tháng cuối năm 2017 được UBND tỉnh phê duyệt theo Công văn số 2957/UBND-KGVX ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh về việc tiếp nhận quỹ tiền lương kế hoạch năm 2017 của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.

Công ty thực hiện khoản lương cho Xí nghiệp xây lắp nhằm tạo động lực làm việc, tăng năng suất lao động và tăng thêm thu nhập cho người lao động.

+ Mức lương bình quân của người lao động Công ty qua các năm:

Năm	ĐVT	Mức lương bình quân
Năm 2015	Đồng	7.707.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Năm 2016	Đồng	7.707.000
Năm 2017	Đồng	8.071.515

Nguồn: Phòng HCTC - BPW

- Chính sách cổ tức

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý. Do Công ty hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/04/2017 nên chưa thực hiện chi trả cổ tức.

- Chính sách phúc lợi khác

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định. Công ty luôn chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động tạo động lực trong sản xuất và gắn tình đoàn kết tập thể lao động Công ty: Tổ chức cho người lao động Công ty đi khám sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Quốc tế BECAMEX (số tiền: 117,63 triệu đồng được thanh toán vào tháng 01/2018), hỗ trợ tiền lễ ngày “Phụ nữ Việt Nam 20/10” cho lao động nữ của Công ty 51 triệu đồng, hỗ trợ tiền lễ, tết dương lịch cho người lao động 60 triệu đồng...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm thực hiện theo Quyết định số 2204/QĐ-UBND ngày 06/10/2011 của UBND tỉnh từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của ngân sách nhà nước, tổng mức đầu tư là 323.934.447.000 đồng (trong đó: 270.000.000.000 đồng là từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới, 53.934.477.000 đồng là vốn đối ứng Ngân sách tỉnh). Các hạng mục của dự án đã hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng, khai thác và đã đem lại doanh thu cho Công ty.

- Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, công suất 10.000m³ ngày/đêm thực hiện theo Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 21/02/2014 của UBND tỉnh từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới và vốn đối ứng của ngân sách nhà nước, tổng mức đầu tư là 366.589.516.486 đồng

(trong đó 316.184.643.044 đồng là từ nguồn vốn vay ODA của Ngân hàng thế giới, 50.404.873.442 đồng là vốn đối ứng Ngân sách tỉnh). Đến nay các hạng mục cơ bản hoàn thành, riêng nguồn vốn bổ sung UBND tỉnh đã có văn bản số 4276/UBND-KT ngày 19/12/2017 xin gia hạn ngày đóng Hiệp định tín dụng Cr.4948-VN và Thỏa thuận tài trợ số 5817-VN cho dự án thoát nước và xử lý nước thải thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án di dời, xây dựng trạm bơm cấp 1, tuyến ống chuyển tải nước thô nhà máy Phước Long thực hiện theo Văn bản số 3007/UBND-KTTH ngày 10/1/02016 của UBND tỉnh với tổng mức đầu tư 11,479 triệu đồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án cải tạo, nâng cấp cụm xử lý Nhà máy nước Phước Long thực hiện theo Văn bản số 3007/UBND-KTTH ngày 10/1/02016 của UBND tỉnh và Quyết định số 22/QĐ-BPWACO ngày 26/5/2017 của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước với tổng mức đầu tư 3.612.596.274 đồng

- Hoàn thành dự án xây dựng đường dây điện 22KV&TBA II-160KVA cấp nước thị xã Phước Long thực hiện theo Văn bản số 3007/UBND-KTTH ngày 10/10/02016 của UBND tỉnh với tổng mức đầu tư được duyệt 1.310.131.666 đồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Hoàn thành xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước khu 6,7,8,9 phường Long Phước, thị xã Phước Long theo Quyết định số 57/QĐ-BPWA ngày 11/10/2017 của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước với tổng mức đầu tư được duyệt 6.356.398.473 đồng.

- Hoàn thành dự án lắp đặt đường ống cấp nước N2 thực hiện theo Quyết định 81c/QĐ-BPWA ngày 05/10/2017 của công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước với tổng mức đầu tư là 436.508.255 đồng đã hoàn thành đưa vào sử dụng

Các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần giúp Công ty ngày càng cung cấp tốt hơn nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng của khách hàng, chất lượng, sản lượng nước sạch ngày được đảm bảo, góp phần bảo vệ sức khỏe người dân, bảo vệ môi trường và góp phần vào hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị tỉnh Bình Phước.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/4/2017
TÀI SẢN			
A	Tài sản ngắn hạn	126.625.711.364	120.577.092.877
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.153.507.395	39.562.473.691
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	40.000.000.000	20.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	9.405.256.337	10.707.196.293
4	Hàng tồn kho	7.183.382.713	8.157.737.792
5	Tài sản ngắn hạn khác	47.883.564.919	42.149.685.101
B	Tài sản dài hạn	564.012.975.934	505.347.058.453
1	Tài sản cố định	258.412.275.618	272.256.789.009
2	Tài sản dở dang dài hạn	302.275.123.631	230.850.352.257
3	Tài sản dài hạn khác	3.325.576.685	2.239.917.187
Tổng cộng tài sản		690.638.687.298	625.924.151.330
NGUỒN VỐN			
A	Nợ phải trả	315.751.367.802	284.840.929.873
1	Nợ ngắn hạn	72.239.625.815	54.374.548.503
2	Nợ dài hạn	243.511.741.987	230.466.381.370
B	Vốn chủ sở hữu	374.887.319.496	341.083.221.457
Tổng cộng nguồn vốn		690.638.687.298	625.924.151.330

Từ bảng số liệu trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty khá ổn định và chủ động trong việc thanh toán các khoản nợ vay, bảo toàn và phát triển được vốn, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

+ Hệ số bảo toàn vốn $H = \text{Vốn CSH tại thời điểm 31/12/2017} / \text{Vốn CSH tại thời điểm 01/4/2017} = 374.887 / 341.083 = 1,099 > 1$. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn được vốn.

+ Tổng tài sản và nguồn vốn tăng, tại thời điểm 31/12/2017 tổng tài sản và tổng nguồn vốn tăng 10.3% so với thời điểm 01/4/2017.

+ Vốn bằng tiền và tương đương tiền của công ty tại 01/4/2017 là 39.562 triệu đồng, đến 31/12/2017 vốn bằng tiền và tương đương tiền là 22.154 triệu đồng giảm 17.408 triệu đồng. Nguyên nhân: Trong 9 tháng cuối năm 2017, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 39.588 triệu đồng và hoạt động tài chính là 12.884 triệu đồng trong khi đó dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư là 69.881 triệu đồng, dẫn đến vốn bằng tiền và tương đương tiền giảm 1 khoản là 17.404 triệu đồng. Đây không phải là dấu hiệu nguy cơ mất cân bằng tài chính bởi khoản tiền và tương đương tiền của Công ty còn ở mức độ tự chủ cao.

+ Tài sản tài sản cố định tại thời điểm 01/4/2017 là 272.257 triệu đồng, đến 31/12/2017 giảm xuống còn 258.412 triệu đồng. Nguyên nhân tài sản cố định trong 9 tháng cuối năm 2017 đã được trích khấu hao làm giảm giá trị tài sản cố định xuống dẫn đến tổng giá trị tài sản cố định trong 9 tháng cuối năm giảm 5,1%

+ Tài sản dở dang dài hạn (chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang) trong 9 tháng cuối năm 2017 tăng 30,9%. Nguyên nhân trong 9 tháng cuối năm Công ty đã đầu tư di dời, xây dựng trạm bơm cấp 1, tuyến ống chuyên tải nước thô nhà máy Phước Long, cải tạo, nâng cấp cụm xử lý Nhà máy nước Phước Long xây dựng đường dây điện 22KV&TBA II-160KVA cấp nước thị xã Phước Long, xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước khu 6,7,8,9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, lắp đặt đường ống cấp nước N2.

+ Nợ phải trả tăng 10,8% so với thời điểm 01/4/2017, nguyên nhân chính là khoản nợ vay dài hạn tăng 5,6% trong 9 tháng năm 2017 chủ yếu là khoản vay ODA của Ngân hàng thế giới tăng thêm (12.883.978.219 đồng) giải ngân các gói thầu hoàn thành toán quyết toán của dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm. Khoản nợ phải trả ngắn hạn trong 9 tháng năm 2017 tăng mạnh (32,8%). Tuy nhiên điều này không đáng lo ngại, nguyên nhân chính là khoản phải trả người bán tăng cao 42,8%, khoản tăng này là do Công ty mua vật tư thiết bị, đầu tư các dự án (đầu tư di dời, xây dựng trạm bơm cấp 1, tuyến ống chuyên tải nước thô nhà máy Phước Long, cải tạo, nâng cấp cụm xử lý Nhà máy nước Phước Long xây dựng đường dây điện 22KV&TBA II-160KVA cấp nước thị xã Phước Long, xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước khu 6,7,8,9 phường Long Phước, thị xã Phước Long, lắp đặt đường ống cấp nước N2 dẫn đến) chưa đến hạn thanh toán cho các nhà thầu, các



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

nhà cung cấp. Nợ phải trả mặc dù tăng cao nhưng đó là các khoản nợ dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh đầu tư đem lại doanh thu cho Công ty và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2016
1	Khả năng thanh toán nhanh	Lần		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	Lần	1,75	1,1
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,4
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Lần		
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,46	0,5
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	Lần	0,84	1,01
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Lần		
	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	0,28	0,32
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,09	0,09
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	%		
	HS lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	-4,89	3,50
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-0,80	0,61
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-0,43	0,30
	Lợi nhuận hoạt động KD/DT thuần	%	-4,17	3,04

Nguồn: Phòng Kế toán - BPW

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn của cả 2 năm đều >1, điều này nói lên tình trạng tài chính ngắn hạn của một Công ty lành mạnh. Năm 2017 cao hơn so với năm 2016 và tăng 59% so với năm 2016, hệ số này càng cao thì khả năng thanh

toán công nợ càng cao cho thấy khả năng đáp ứng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao, Công ty đang rất chủ động trong việc thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

+ Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm 2017 đều giảm so với năm 2016 và đều nhỏ <1. Điều này chứng tỏ công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, mặc dù Công ty đã đi vay đầu tư (vay vốn ODN của Ngân hàng thế giới đầu tư dự án Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m³/ngày đêm với tổng dư nợ vay đến 31/12/2017 là 237.867 triệu đồng, chiếm 75,3% tổng nợ phải trả), tuy nhiên nguồn lực tài chính của Công ty luôn đảm bảo an toàn và tự chủ cao.

+ Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2016 và năm 2017 ổn định và ít biến chuyển. Điều này cho thấy hiệu quả của việc sử dụng vốn, sử dụng tài sản và hàng tồn kho của Công ty ổn định và an toàn.

+ Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2017 đều giảm so với năm 2016 và đều < 1. Mặc dù các chỉ tiêu về khả năng sinh lời thấp nhưng đây không phải là biểu hiện đáng lo ngại. Sở dĩ các chỉ tiêu này đều giảm và <1 so với năm trước là vì nguyên nhân: Từ khi chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty phải gánh khoản chi phí khấu hao tài sản cố định tăng cao (do giá trị tài sản định giá lại tăng cao và do đưa dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài đi vào hoạt động, tài sản tăng, chi phí khấu hao tăng), chi phí lãi vay của dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài khá cao, chiếm 22,5% tổng chi phí dẫn đến lỗ, tuy nhiên những khoản chi phí này là do đầu tư mở rộng, phát triển sản xuất kinh doanh vì vậy sau một vài năm Công ty sẽ hòa vốn và có lợi nhuận.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Mã chứng khoán: BPW

Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 10.772.000 cổ phần, trong đó:

- Cổ phần Nhà nước: 8.684.140 cổ phần tương ứng 80,62 %
- Cổ phần nhà đầu tư chiến lược: 1.818.160 cổ phần tương ứng 16,88 %
- Cổ phần của người lao động công ty: 236.600 cổ phần tương ứng 2,19%
- Cổ phần của nhà đầu tư khác: 33.100 cổ phần tương ứng 0,31%

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 1.965.860 cổ phần phổ thông. Trong đó, có 1.818.160 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm do phân phối cho nhà đầu tư chiến lược từ ngày 01/04/2017 đến 01/04/2022; 147.700 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc của từng người lao động.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

b) Cơ cấu cổ đông đến 31/12/2017

Số tt	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	96	10.772.000	107.720.000.000	100
1	Cá nhân	94	269.700	2.697.000.000	2,5
2	Tổ chức	2	10.502.300	105.023.000	97,5
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		96	10.772.000	107.720.000.000	100

Nguồn: DSCĐ chốt ngày 23/3/2018 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2017

Số tt	Tên cổ đông	Số ĐKK D/CT	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ số hữu/VĐL (%)
1	UBND tỉnh Bình Phước		Đường 6/1, P.Tân phú, TX.Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước	8.684.140	80,62
2	Công ty Cổ phần SX - TM - XD và Nông nghiệp Hải Vương	3800101115	Khu nhà điều hành, khách sạn, P Hưng Chiến, TX Bình Long, Bình Phước	1.818.160	16,88
Tổng cộng				10.502.300	97,50

Nguồn: DSCĐ chốt ngày 23/3/2018 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...

Không phát sinh

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch

Không phát sinh

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

Không phát sinh

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm (9 tháng 2017)

Stt	Nguyên nhiên vật liệu	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)
1	Vôi	25.867	67.969.560
2	Phèn	22.724	106.802.800
3	PAC	27.607	331.785.967
4	Clo	12.176	166.369.049
Tổng giá trị sử dụng nguyên liệu			675.927.376

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

Không phát sinh

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Điện năng tiêu thụ từ tháng 4-12/2017

Đối tượng	Đơn vị tính	Số lượng
Sản lượng tiêu thụ	KW	2.642.143
Giá trị tiêu thụ	Triệu đồng	4.275

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả. *Không có*

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này. *Không có*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp: Công ty lấy nguồn nước thô từ các hồ: Hồ Đồng Xoài, Hồ nước Thủy điện Thác Mơ và nguồn nước ngầm từ giếng khoan (Minh Hưng).

- Do Công ty là Công ty sản xuất và cung cấp nước sạch vì vậy hiện nay Công ty sử dụng luôn nguồn nước sản xuất của Công ty cung cấp và tính vào chi

phí sản xuất kinh doanh theo tỷ lệ hao hụt

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không phát sinh

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Không phát sinh

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số người lao động của công ty đến ngày 31/12/2017 là 105 người

- Mức lương trung bình đối với người lao động là 8.071.515 đồng/người tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Công ty có chính sách hàng năm cho người lao động khám sức khỏe định kỳ với mức bình quân khoảng 2.000.000 đồng/người

- Mua sắm bảo hộ lao động cho người lao động công ty 1 năm 2.000.000 đồng/người/năm.

- Tổ chức cho người lao động đi tập huấn an toàn lao động.

- Hỗ trợ cho người lao động còn khó khăn trong Công ty

- Tổ chức thăm nom, ốm đau, hiếu hỷ đến người lao động Công ty và người thân của người lao động....

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Không phát sinh

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Không phát sinh

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

- Trong năm Công ty đã hỗ trợ Chương trình chấp cánh ước mơ với số tiền: 30.000.000 đồng

- Chi ủng hộ phòng chống thiên tai 113.500.000 đồng (trong đó: 100.000.000 đồng do Công ty ủng hộ, 13.500.000 đồng do người lao động Công ty ủng hộ)

- Chi cho các hoạt động hiếu hỷ, ủng hộ các quỹ, các hoạt động phúc lợi khác: 129.500.000 đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Lưu ý: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Đặc điểm tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017

- Thuận lợi:

+ Tập thể lãnh đạo, người lao động trong Công ty đoàn kết, quyết tâm chia sẻ khó khăn để thực hiện nhiệm vụ mới sau tái cơ cấu;

+ Việc cổ phần hóa đã tạo ra cơ hội nâng cao năng lực cạnh tranh cho Công ty;

+ Giá nước sạch được điều chỉnh tăng theo lộ trình tại Quyết định 30/QĐ-UBND ngày 01/8/2017 của UBND tỉnh Bình Phước góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty;

WATER

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

+ Mạng lưới đường ống cấp nước đã được mở rộng trên địa bàn Công ty quản lý góp phần tăng số lượng khách hàng sử dụng nước, giúp sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển.

- Khó khăn:

+ Tổ chức, bộ máy còn cồng kềnh phải sắp xếp lại; lao động chuyên môn khu vực quản lý (cấp phòng) và công nhân lành nghề thiếu, yếu trầm trọng, mang nặng tư duy nhà nước, ngược lại dư thừa trong các khu vực khác;

+ Năm 2017 mùa mưa đến sớm và kéo dài làm giảm doanh thu của công ty;

+ Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước ở mức cao (trên 23%);

+ Việc sử dụng nguồn nước dưới đất tại các khu công nghiệp còn phổ biến, chiếm từ 30-70% khối lượng;

+ Lãi và phí từ nguồn vốn vay ODA dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài phát sinh cao làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Chưa xây dựng được lòng tin trong nhân dân về sử dụng nước sạch, do đó việc sử dụng nước từ giếng khoan, đào giếng tại các khu đô thị còn ở mức cao;

+ Khó khăn, thách thức biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nước đầu vào làm tăng chi phí nguyên vật liệu như vôi, phèn...

b) Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng cuối năm năm 2017

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	44.905	47.964	107
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	55.720	51.052	92
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	(10.815)	(3.088)	171
4	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	%	(2,14)	(0,8)	
5	Nộp NSNN	Tr.đồng	3.578	3.518	98

3182
TY
ÁN
TNU
HU
BÌNH

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017, Giai đoạn 01/04/2017 – 31/12/2017 của Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước.

b) Đánh giá kết quả thực hiện

Từ kết quả đạt được như trên cho thấy sự nỗ lực, đoàn kết của tập thể người lao động Công ty, sự lãnh đạo sáng suốt, dám nghĩ dám của lãnh đạo Công ty đã đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch UBND tỉnh giao, cụ thể:

- Sản lượng nước thương phẩm kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017 đạt 104% vượt so với kế hoạch UBND tỉnh giao 4%. Có được kết quả này, Công ty đã có sự đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước (trong 9 tháng cuối năm Công ty đã đầu tư mở rộng được 99km đường ống nước), tăng cường công tác tiếp thị lắp đặt đồng hồ, rút ngắn thời gian lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng từ 10 ngày xuống còn 3 ngày, công tác chăm sóc khách hàng ngày càng được chú trọng. Nhất là chất lượng nước ngày càng ổn định đã tạo niềm tin và an tâm cho khách hàng khi sử dụng nước sạch do Công ty cung cấp.

- Tổng Doanh thu kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017 đạt 107 % vượt so với kế hoạch UBND tỉnh giao là 7%. Nguyên nhân là do sản lượng nước tăng từ việc phát triển hệ thống mạng đường ống nước, lắp đặt đồng hồ mới, chất lượng, sản lượng nước ngày càng đảm bảo nên người dân tin và sử dụng ngày càng nhiều. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã ký hợp đồng thu hộ tiền nước với ngân hàng Vietinbank đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng khi thanh toán tiền nước. Mặt khác việc áp dụng phần mềm quản lý khách hàng CRM đã góp phần quản lý ghi thu tiền tiền nước của khách hàng càng chặt chẽ, tránh thất thoát...

- Lợi nhuận kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017 là lỗ 10.815 triệu đồng Công ty đã thực hiện giảm lỗ xuống còn: 3.088 triệu đồng, tăng 71% so với kế hoạch UBND tỉnh giao. Bên cạnh việc tăng sản xuất kinh doanh đem lại doanh thu thì Công ty cũng đã có nhiều biện pháp tiết kiệm chi phí nhằm giảm lỗ. Việc áp dụng sáng kiến hệ thống tự chảy thay vì phải bơm nước ra mang phân phối, điều này giúp Công ty giảm được rất nhiều chi phí tiền điện cho sản xuất nước.

- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước kế hoạch 9 tháng cuối năm 2017 thực hiện đạt 98% so với kế hoạch UBND tỉnh giao. Nguyên nhân: Do trong 9 tháng cuối năm 2017 Công ty có đầu tư xây dựng Công trình: Di dời, xây dựng trạm bơm cấp 1, tuyến ống chuyển tải nước thô Nhà máy nước Phước Long; Công trình cải tạo, nâng cấp cụm xử lý nước Nhà máy nước Phước Long; Công trình đường dây điện 22KV&TBAlII-160KVA Nhà máy nước Phước Long; Công trình mạng ống cấp nước khu 6,7,8,9 phường Long Phước, thị xã Phước Long có

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

số thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra nên giảm số tiền thuế GTGT thực nộp vào NSNN.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)

Các chỉ tiêu tài sản của Công ty 9 tháng năm 2017. DVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	31/12/2017	01/4/2017
1	Tổng tài sản	690.639	625.924
2	Tổng nguồn vốn, trong đó:	690.639	625.924
3	Lợi nhuận sau thuế	(3.088)	264
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA)	(0.43%)	0,0004 %

Từ những số liệu trên cho thấy, tổng tài sản của Công ty tăng 0,1 lần so với đầu kỳ. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế lỗ (3.088 triệu đồng) song đây không phải là tín hiệu đáng lo ngại. Hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2017 lỗ là do yếu tố khách quan: Hiện nay Công ty đang chi trả lãi vay từ khoản vay của Dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài, khấu hao tài sản từ dự án trên. Đồng thời từ khi Công ty chuyển sang hình thức cổ phần, Công ty phải ghi thêm khấu hao từ giá trị chênh lệch đánh giá lại tài sản khi cổ phần hóa. Trong khi tổng doanh thu trong năm tăng 6,8%, tổng chi phí giảm 8,38% so với kế hoạch, đây chính là dấu hiệu khả quan và khả năng sử dụng tài sản có hiệu quả của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

Đơn vị tính: Đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	31/03/2017	31/12/2017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước)	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	190.472.994.228	205.844.906.954	230.466.381.370	243.350.359.586
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước(1)	10.182.953.798	7.049.733.798	7.049.733.798	7.049.733.798
- Bộ Tài Chính(2)	181.856.650.430	198.795.173.156	223.416.647.572	237.867.235.788
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	190.472.994.228	205.844.906.954	230.466.381.370	243.350.359.586

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016,2017, (Giai đoạn 01/01/2017 – 31/3/2017 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước và BCTC 9 tháng năm 2017 (01/4-31/12/2017) của CTCP cấp thoát nước Bình Phước

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Bình Phước được điều chỉnh theo Phụ lục Hợp đồng số 01-2005/PLHD-ODA ngày 07/10/2005 với các điều kiện chi tiết như sau:

- Tổng tiền vay: 26.632.358.798 VND

- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án: “Hiện đại hóa hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài – Tỉnh Bình Phước”

- Thời hạn vay: 25 năm. Trong đó thời gian ân hạn là 8 năm và thời gian trả nợ là 17 năm

- Lãi suất cho vay: 0%, phí quản lý là 0,2%/năm, tính trên số dư thực tế

- Kỳ trả nợ: ngày 30/06 và 31/12 hằng năm
- Số dư nợ vay tại ngày 31/03/2017 là 8.616.343.798 VNĐ; Trong đó, nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 1.556.610.000 VNĐ
- Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 7.049.733.798 VNĐ; Trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 1.556.610.000 VNĐ

(2) Hiệp định vay phụ giữa Bộ tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp nước Bình Phước ngày 18/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA với các điều kiện chi tiết như sau:

- Mục đích: Tài trợ vốn cho Tiểu dự án Mở rộng hệ thống cấp nước Thị xã Đồng Xoài trong khuôn khổ Dự án Cấp nước và nước thải Đô thị Việt Nam.

- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 270 tỷ đồng, tương đương 13.846.355 USD.

- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 25 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó 5 năm ân hạn, thực thi theo 40 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm.

- Lãi suất: 6,75%/năm và phí quản lý 0,2%/năm trả lãi vào ngày 15/05 và 15/11 hằng năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay.

- Số dư nợ tại ngày 31/12/2017 là 237.867.235.788 VND.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Từ khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã có những chuyển đổi về cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại nhân sự nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và phát huy hết tiềm năng về nguồn nhân lực của Công ty hiện có. Cụ thể Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết/ Quyết định về tổ chức như sau:

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị 9 tháng năm 2017

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/NQ-BPWACO	01/4/2017	về việc ban hành quy chế quy định về chức năng và cơ cấu tổ chức, hoạt động

			của Công ty.
2	Nghị quyết số 02/NQ-BPWACO	01/4/2017	về việc thành lập phòng Kỹ thuật – Đầu tư
3	Nghị quyết số 03/NQ-BPWACO	01/4/2017	về việc thành lập phòng Kế toán.
4	Nghị quyết số 04/NQ-BPWACO	01/4/2017	về việc thành lập phòng Tài chính – Kế hoạch.
5	Nghị quyết số 05/NQ-BPWACO		về việc thành lập Xí nghiệp cấp nước Minh Hưng III.
6	Nghị quyết số 06/NQ-BPWACO		về việc thành lập Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài.
7	Nghị quyết số 07/NQ-BPWACO		về việc thành lập Xí nghiệp cấp nước Phước Long.
8	Nghị quyết số 08/NQ-BPWACO		về việc thành lập phòng Hành chính – Tổ chức.
9	Nghị quyết số 09/NQ-BPWACO		về việc thành lập Xí nghiệp Xây lắp công trình nước.
10	Nghị quyết số 10/NQ-BPWACO		về việc thành lập phòng Quản lý chất lượng nước.
11	Nghị quyết số 11/NQ-BPWACO		về việc thành lập Xí nghiệp Thoát nước và Xử lý nước thải.
12	Nghị quyết số 12/NQ-	11/9/2017	về việc đăng ký chứng

	BPWA		khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) vào tháng 9/2017.
13	Nghị quyết số 13/NQ-BPWA	30/12/2017	về việc thành lập Trung tâm kinh doanh.
14	Quyết định số 01/QĐ-BPWACO	01/4/2017	về việc bổ nhiệm ông Đỗ Văn Phong giữ chức vụ Tổng Giám đốc.
15	Quyết định số 02/QĐ-BPWACO	01/4/2017	về việc bổ nhiệm ông Huỳnh Văn Lâm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc.
16	Quyết định số 03/QĐ-BPWACO	01/4/2017	về việc bổ nhiệm ông Trần Ngọc Nguyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc
17	Quyết định số 04/QĐ-BPWACO	01/4/2017	về việc Bổ nhiệm bà Phạm Thị Loan giữ chức vụ Kế toán trưởng.
18	Quyết định số 05/QĐ-BPWACO	01/4/2017	về việc giao nhiệm vụ kiêm nhiệm Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong tương lai Công ty cổ phần cấp thoát nước phần đầu là nhà cung cấp nước sạch số 1 trên tỉnh Bình Phước.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)

Không phát sinh

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

của công ty

Công ty chấp hành đúng theo quy định Nhà nước về bảo vệ môi trường.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo đúng quy định: Chế độ bảo hiểm, thai sản, ốm đau, an toàn lao động... các chế độ khác liên quan đến người lao động

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng, với địa phương. Hàng năm Công ty đóng góp và ủng hộ các tổ chức trên địa bàn tỉnh như: Hội Doanh nghiệp trẻ, Đảng, đoàn khối doanh nghiệp tỉnh..., cụ thể:

- Hỗ trợ kinh phí Hội cựu chiến binh Khối doanh nghiệp tỉnh: 5.000.000 đồng

- Ủng hộ Đại hội Đoàn khối doanh nghiệp tỉnh: 5.000.000 đồng

- Đóng góp quỹ Khối thi đua số 9: 5.000.000 đồng

- Ủng hộ quỹ “Chấp cánh ước mơ”: 30.000.000 đồng

- Ủng hộ xây đền Bà Rá: 10.000.000đ

.....

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Trong 9 tháng cuối năm 2017, Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mặc dù còn nhiều khó khăn trong bước đầu chuyển đổi tuy nhiên với với đường lối, chủ trương phát triển của HĐQT đề ra đã đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn trước mắt và đi vào hoạt động ổn định. Tình hình sản xuất kinh doanh nước ngày càng có sự biến chuyển tích cực về số lượng và chất lượng. Công tác sản xuất, thi công đảm bảo theo đúng quy trình, chất lượng do Bộ Ý tế quy định, đảm bảo về chất lượng và an toàn nước sạch cho người dân sử dụng, đồng thời còn góp phần bảo vệ môi trường địa phương nơi Công ty hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Mặc dù bước đầu chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần từ 1/4/2017 nhưng với sự nỗ lực của HĐQT, tập thể lãnh đạo và người lao động Công ty, HĐQT đã điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra kế hoạch và định hướng hoạt động trong năm 2018 như sau:

a) Định hướng trong năm 2018:

- Chủ đề năm: BPWater hòa vốn và có lãi
- Chỉ tiêu năm: BPWater tất cả vì 5.000 đồng hồ
- Chỉ tiêu 6 tháng đầu năm 2018: Phủ kín cấp nước các khu công nghiệp: Bắc Đồng Phú, Đồng Xoài I, Đồng Xoài II.
- Lắp đặt hệ thống giám sát chất lượng nước cho nhà máy Phước Long, Đồng Xoài.
- Lắp đặt 1 van điều áp tự động tại ngã tư Đồng Xoài.
- Lắp đặt camera giám sát cho trụ sở chính và các nhà máy.
- Giám sát thất thoát nước sạch.

b) Kế hoạch (chương trình) hoạt động của HĐQT năm 2018:

Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
- Duyệt các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: + Báo cáo tài chính năm; + Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; + Báo cáo kiểm soát năm; + Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; + Quy chế nội bộ về quản trị; + Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; + Quy chế tổ chức, hoạt động; + Chỉ tiêu kế hoạch 2018;	- Nghe báo cáo tình hình điều hành hoạt động Công ty của Tổng giám đốc theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có); - Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức; - Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động; - Tình hình tài chính thu, chi của Công ty.	- Nghe báo cáo tình hình điều hành hoạt động Công ty của Tổng giám đốc theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có); - Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức; - Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động; - Tình hình tài chính thu, chi của Công ty.	- Hội đồng quản trị nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. - Nghe báo cáo tình hình hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị; - Nghe dự báo tổng kết năm và kế hoạch năm tiếp theo (Tổng giám đốc phải hoàn thành báo cáo này chậm nhất ngày 30/11 của năm). - Nghe các đề xuất của Tổng giám đốc (nếu có); - Cử người dự các cuộc họp

<ul style="list-style-type: none"> + Chọn kiểm toán 2018; + Thay đổi nhân sự ban kiểm soát; + Công tác đầu tư, mua sắm của công ty; + Các nội dung khác (nếu có). - Kiện toàn hoạt động công ty; + Nhân sự, tiền lương, thưởng; + Tình hình thực hiện các chương trình hành động năm do Công ty phát động. - Cử người dự các cuộc họp do Công ty tổ chức. - Tình hình tài chính thu, chi của Công ty; 			<ul style="list-style-type: none"> do Công ty tổ chức; - Nghe báo cáo về công tác quản lý, sử dụng lao động; công tác thi đua, khen thưởng; - Dự hội nghị lao động, phát động các phong trào năm tiếp theo. - Hợp thông qua kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.
--	--	--	--

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước 9 tháng cuối năm 2017:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán : Kèm theo Báo cáo tài chính được kiểm toán

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH PHƯỚC**

